

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/10

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

1. Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

Lucantin® Yellow

Sử dụng: Chất phụ gia cho ngành thức ăn chăn nuôi.

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng nguy hiểm

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định. Sản phẩm không có chứa chất có đặc tính PBT (Bền/Tích lũy sinh học/ Độc) hoặc vPvB (Rất bền/ Tích lũy sinh học cao).

3. Thông tin về thành phần nguy hiểm

Bản chất của hoá chất

Chất tiền chế dựa trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate (Hàm lượng (W/W): 10 %)

trong ma trận: carbohydrates, Gelatins

ổn định với: ethoxyquin

Thành phần nguy hại

ethoxyquin

Hàm lượng (W/W): $\geq 3\%$ - $< 5\%$ Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)

Số CAS: 91-53-2

4. Biện pháp sơ cấp cứu khi gặp tai nạn

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:
Súc miệng và sau đó uống nhiều nước.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Không có những triệu chứng đáng kể nào do việc không phân loại sản phẩm.
Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, cacbon dioxide, bột, bột khô

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:
Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:
các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Sự phát triển của khói/sương. Bụi nổ nguy hại.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

6. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

Những cảnh báo cá nhân:
Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Tránh bụi.

Cảnh báo môi trường:
Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng nhỏ: Chữa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.
Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.
Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi.

7. Sử dụng và bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Phòng chống cháy nổ:
Sản phẩm có thể nổ bụi. Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Chỉ sử dụng dụng cụ và thiết bị chống cháy nổ.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo vệ hoá chất bên trong khỏi ánh sáng mặt trời. Đóng chặt và lưu giữ nơi thoáng mát

8. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

sucrose, 57-50-1;

Giá trị TWA 10 mg/m³ ()

sunflower oil, 8001-21-6;

Giá trị TWA 10 mg/m³ (OEL (VN)), Dạng sương

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có thể hít phải các sol khí/bụi được hình thành. Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1)

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN 374) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thấm thấu theo EN 374): Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Quần áo chống hoá chất toàn thân (theo EN 13982) nếu hình thành bụi hoá chất

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục làm việc bó sát. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính hóa lý

Dạng:	bột
Màu sắc:	Quang phổ
Mùi:	mùi nhẹ đặc trưng
Ngưỡng mùi:	không được xác định

Giá trị pH:	không được xác định
-------------	---------------------

Điểm nóng chảy:	không được xác định
-----------------	---------------------

Điểm sôi:	không áp dụng
-----------	---------------

Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.
-----------------	--------------------------------------

Tốc độ bay hơi:	không áp dụng
-----------------	---------------

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao	(VDI 2263, tờ 1, 1.1)
----------------------------------	-------------------	-----------------------

Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn
-------------------------	---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
 Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Giới hạn nổ trên (UEL):

Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn

Phân huỷ do nhiệt:

>= 145 °C

(DSC (OECD 113))

Khả năng tự gia nhiệt:

Sản phẩm có khả năng tự gia nhiệt, được phân loại theo qui định vận tải nhóm 4.2
 Dựa trên các kết quả thí nghiệm, bao bì đóng gói < 3m³ được không cần phải phân loại.

(VDI 2263, bảng 1, 1.4.2)

Năng lượng đánh lửa tối thiểu: > 1 J

(DIN EN 13821)

Sản phẩm có thể nổ bụi.

Nguy cơ nổ:

Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.

Những đặc tính làm tăng cháy:

Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.

Áp suất hơi:

không áp dụng

Tỷ trọng thể tích/mật độ khối: tương đương 600 kg/m³

Tỷ trọng hơi (không khí):

không áp dụng

Tính tan trong nước:

có thể phân tán
 (> 35 °C)

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):

không áp dụng đối với hỗn hợp chất

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): 12.79

(được tính toán)

(25 °C)

Thông tin trên: ethoxyquin

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): 3.87

(25 °C)

Tính nhớt, động lực:

không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Những điều kiện cần tránh:

Tránh bụi. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt:

>= 145 °C (DSC (OECD 113))

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Những chất cần tránh:

Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Độc độc cấp tính

Đánh giá độ độc cấp tính:

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào.

Thông tin trên: ethoxyquin

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột (miệng): 800 - 1,000 mg/kg

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột (miệng): > 10,000 mg/kg

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không kích ứng cho mắt và da.

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng da. Không gây kích ứng mắt.

Thông tin trên: ethoxyquin

Đánh giá tác động kích ứng:

Có thể gây kích ứng nhẹ cho da. Có thể gây kích ứng nhẹ cho mắt.

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Không có bằng chứng cho thấy khả năng gây mẫn cảm.

Thông tin trên: ethoxyquin

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Dữ liệu tài liệu.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Chưa được phân loại do thiếu dữ liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Dữ liệu tài liệu.

Thông tin trên: ethoxyquin

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Về cơ bản những phát hiện qua nghiên cứu trên động vật, không thể loại trừ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản khi sử dụng liều lượng cao. Dữ liệu tài liệu.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn):

Đánh giá của STOT riêng:
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Chưa được phân loại do thiếu dữ liệu.

Nguy cơ khi hít vào

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về tính độc tố có nguồn gốc từ đặc tính của từng thành phần.

12. Thông tin về sinh thái môi trường

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) tương đương 5,300 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tĩnh điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Không có tác động gây độc xảy ra trong giới hạn thang hoà tan.

Thông tin trên: ethoxyquin

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 18 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OPP 72-1 (Hướng dẫn -EPA), Chảy qua.)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (30 min) > 10,000 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 27 (nháp), ở dưới nước)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

EC20 (30 min) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính (DIN EN ISO 8192, hiếu khí)

Thông tin trên: ethoxyquin

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (30 min) tương đương 60 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (DIN EN ISO 8192, hiếu khí)

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
không được xác định

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ nhanh chóng bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H₂O):

Sản phẩm không được thí nghiệm.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
 Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Thông tin bị đào thải:

10 - 20 % BOD của ThOD (28 d) (Hướng dẫn OECD 301 F) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Thông tin trên: ethoxyquin

Thông tin bị đào thải:

< 20 % BOD của ThOD (25 d) (Hướng dẫn OECD 301 F) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp)

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Sản phẩm không được thí nghiệm.

Thông tin trên: ethoxyquin

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Dự kiến không có sự tích tụ đáng kể trong các cơ quan do hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow).

Thông tin trên: ethyl 8'-apo-beta-caroten-8'-oate

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Dự kiến không có sự tích tụ đáng kể trong các cơ quan do hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow).

Sản phẩm không có tính khả dụng sinh học do độ ổn định và tính không thể hòa tan trong nước của nó.

13. Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Quy định về vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Loại nguy hại:	4.2
Nhóm đóng gói:	III
Số ID:	UN 3088
Nhãn về mối nguy hại:	4.2
Tên vận chuyển phù hợp:	SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (contains ETHYL-8'-APO-.BETA-CAROTEN-8'-OATE)

Vận tải đường thủy

IMDG	
Loại nguy hại:	4.2
Nhóm đóng gói:	III
Số ID:	UN 3088
Nhãn về mối nguy hại:	4.2
Ô nhiễm hàng hải:	KHÔNG

Sea transport

IMDG	
Hazard class:	4.2
Packing group:	III
ID number:	UN 3088
Hazard label:	4.2
Marine pollutant:	NO

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2017
 Sản phẩm: **Lucantin® Yellow**

Phiên bản: 4.0

(30041147/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 23.10.2025

Tên vận chuyển phù hợp:
 SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S.
 (contains ETHYL-8'-APO-.BETA-CAROTEN-8'-
 OATE)

Proper shipping name:
 SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S.
 (contains ETHYL-8'-APO-β-CAROTEN-8'-
 OATE)

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Loại nguy hại: 4.2
 Nhóm đóng gói: III
 Số ID: UN 3088
 Nhãn về mỗi nguy hại: 4.2

Tên vận chuyển phù hợp:
 SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S.
 (contains ETHYL-8'-APO-.BETA-CAROTEN-8'-
 OATE)

Air transport

IATA/ICAO

Hazard class: 4.2
 Packing group: III
 ID number: UN 3088
 Hazard label: 4.2

Proper shipping name:
 SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S.
 (contains ETHYL-8'-APO-β-CAROTEN-8'-
 OATE)

Thông tin bổ sung

Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

15. Thông tin về luật pháp**Những quy định khác**

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Thông tin khác

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hoá chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.